

Số: /SGDĐT-VP
V/v hướng dẫn thực hiện các khoản
thu, chi trong các cơ sở giáo dục công
lập năm học 2022-2023

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Công văn số 2153/BGDĐT-KHTC ngày 24/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 2903/BGDĐT-KHTC ngày 07/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc lấy ý kiến về đề xuất lộ trình học phí và chính sách miễn học phí đối với học sinh trung học cơ sở;

Căn cứ Công văn số 3024/UBND-KGVX ngày 25/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND);

Căn cứ Công văn số 2902/UBND-KGVX ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh.

Nay, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn và yêu cầu các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung như sau:

I. Các khoản thu

1. Học phí: Trong khi chờ văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thu học phí, các cơ sở giáo dục công lập tạm thời chưa thực hiện thu học phí năm học 2022-2023.

2. Tiền dạy thêm, học thêm

Thực hiện theo các văn bản sau:

- Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm;

- Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

- Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Công văn số 2244/SGDĐT-GDTrH ngày 10/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác dạy thêm, học thêm và dạy học 02 buổi/ngày năm học 2022-2023;

Khuyến khích các trường công lập trên địa bàn tỉnh có chủ trương miễn, giảm tiền học thêm cho học sinh (*nếu học sinh có nguyện vọng đăng ký học thêm*) thuộc các đối tượng được quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Các trường có tổ chức dạy thêm, học thêm thu tiền đóng góp từ phụ huynh học sinh theo từng đợt: tháng, quý hoặc học kỳ/năm học (*nếu phụ huynh tự nguyện*).

3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động

a) Mức thu: Theo quy định tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

b) Nội dung chi, công tác quản lý thu chi; quy trình quản lý, sử dụng các khoản thu và tổ chức thực hiện, theo nội dung Công văn số 3024/UBND-KGVX ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh.

4. Các khoản thu dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ

a) Mức thu: Theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu các khoản thu dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025

b) Nội dung chi, công tác quản lý thu chi; quy trình quản lý, sử dụng các khoản thu và tổ chức thực hiện, theo nội dung Công văn số 2902/UBND-KGVX ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh.

Lưu ý: Các khoản thu dạy thêm, học thêm; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động; dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ; chỉ thực hiện trong thời gian có tổ chức học trực tiếp tại trường theo quy định.

5. Bảo hiểm y tế

Thực hiện Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025; các trường công lập thuộc địa bàn (xã, phường, thị trấn) thành thị, nông thôn và địa bàn khu vực I theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu đạt tỷ lệ 100% trẻ em mầm non, học sinh tham gia bảo hiểm y tế;

Mức thu, quy định về quản lý thu - chi quỹ bảo hiểm y tế hàng năm theo hướng dẫn của cơ quan Bảo hiểm xã hội và các văn bản quy định hiện hành.

6. Quy định về tài trợ

Thực hiện việc vận động, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ, viện trợ theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Công văn số 3114/UBND-KGVX ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

7. Các khoản thu từ hợp đồng liên doanh, liên kết, dịch vụ (trông giữ xe, căn tin, liên kết đào tạo, thu từ cho thuê tài sản...)

a) Khoản thu trông giữ xe

Mức thu không vượt quá mức phí trông giữ xe theo quy định tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Hằng năm thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành

Đối với học sinh tại các trường phổ thông chỉ được sử dụng các loại xe quy định tại Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và các văn bản theo quy định hiện hành.

b) Các khoản thu căn tin, liên doanh, liên kết đào tạo, thu từ cho thuê tài sản

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2502/SGDĐT-VP ngày 25/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

- Sau khi đề án được phê duyệt, nếu đơn vị có thực hiện đề án phải hạch toán thu, chi và nộp thuế theo quy định của nhà nước. Sau khi nộp thuế, trích lập tối thiểu 40% tạo nguồn cải cách tiền lương, số kinh phí còn lại được bổ sung chi hoạt động, trích lập các quỹ theo quy định và thực hiện báo cáo quyết toán theo năm tài chính.

8. Đối với Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 55)

Ban đại diện cha mẹ học sinh căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư 55 thống nhất với Ban giám hiệu nhà trường và chỉ được thu để chi các nội dung phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nghiêm cấm việc lợi dụng danh nghĩa Ban đại diện cha mẹ học sinh để thu các khoản ngoài quy định tại Thông tư 55.

Ban đại diện cha mẹ học sinh không được thu để chi các nội dung: bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường.

II. Công tác quản lý thu, chi

1. Thực hiện công tác kế toán đối với các khoản thu, các khoản đóng góp (nếu có) theo quy định của pháp luật, hạch toán các khoản thu vào sổ sách kế toán. Thực hiện báo cáo quyết toán với cơ quan chủ quản theo quy định.

2. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, nghiêm túc thực hiện các quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng tiền mặt, mỗi đơn vị chỉ được giữ tồn quỹ tiền mặt hàng ngày của tất cả các nguồn kinh phí không quá 20 triệu đồng (*hai mươi triệu đồng*) dùng để chi phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập; số kinh phí còn lại hàng ngày đơn vị phải kiểm quỹ gửi vào kho bạc hoặc ngân hàng theo quy định.

4. Thực hiện Công văn số 2741/BGDĐT-KHTC ngày 29/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022; Kế hoạch số 1864/KH-SGDĐT ngày 05/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022; vì vậy, Sở GD&ĐT yêu cầu các trường công lập trên địa bàn tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai ứng dụng dịch vụ thanh toán học phí; các khoản thu dịch vụ, dịch vụ phục vụ không dùng tiền mặt và sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử.

III. Các chế độ của học sinh

Thực hiện theo nội dung các văn bản sau:

a) Hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông: Theo Điều 18 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

b) Hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người: Theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ

c) Hỗ trợ học sinh phổ thông ở xã thôn đặc biệt khó khăn: Theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 và Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước;

d) Hỗ trợ ăn trưa, đối với trẻ em mẫu giáo: Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

đ) Hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước: Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 – 2025;

e) Hỗ trợ đối với trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp: Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2024 – 2025;

f) Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật

- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

g) Chế độ cho học sinh các trường chuyên biệt:

- Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ GD&ĐT về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học dân tộc.

h) Xét, cấp học bổng chính sách. Theo các văn bản sau:

- Nghị định 84/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục;

- Thông tư 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú và các văn bản quy định hiện hành.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn thực hiện các khoản thu và công tác quản lý thu, chi năm học 2022-2023 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, gửi tới phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các đơn vị trực thuộc biết và thực hiện theo đúng quy định, trong quá trình thực hiện nếu có văn bản hướng dẫn quy định mới thay thế các văn bản nêu trên thì áp dụng theo các văn bản mới./.

(Kèm theo: Công văn số 2153/BGDĐT-KHTC ngày 24/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021, Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021, Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3024/UBND-KGVX ngày 25/8/2020, Công văn số 2902/UBND-KGVX ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Bình Phước)

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBMTTQVN tỉnh (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (để báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, TP (để phối hợp);
- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Các phòng chuyên môn Sở;
- Lưu Văn thư; Vp3.

GIÁM ĐỐC